**Ôn Tập Lý Thuyết SQL - 5**

1. Sau khi tạo xong CSDL và trước khi tạo bất kì bảng nào, người dùng phải tạo tất cả các bảng hệ thống để có thể thực hiện các thao tác liên quan đến xử lí giao dịch
   1. Đúng
   2. **Sai**
2. Sự chính xác của dữ liệu được đảm bảo bởi \_\_\_\_\_\_
   1. Các bảng được quan hệ
   2. Indexing
   3. **Toàn vẹn dữ liệu**
   4. Loại bỏ các giá trị trùng nhau
3. Toàn vẹn thực thể còn được gọi là \_\_\_\_\_\_\_\_\_ (chọn 1)
   1. Column Integrity (Toàn vẹn cột)
   2. **Row Integrity (Toàn vẹn dòng)**
   3. Table Integrity (Toàn vẹn bảng)
   4. Database Integrity (Toàn vẹn CSDL)
4. Các trường khóa, các trường còn lại sau khi đã lựa chọn trường khóa chính từ các candidate keys, được gọi là Alternate keys.
   1. Sai
   2. **Đúng**
5. Có thể tạo nhiều ràng buộc UNIQUE cho một bảng
   1. Sai
   2. **Đúng**
6. Giả sử bảng Accounts lưu thông tin chi tiết về tiền lương của nhân viên trong công ty. Một nhân viên trong công ty tên là ‘James’, với EmployeeID là E210 được thăng chức. Chỉ ra cú pháp để cập nhật lại bảng
   1. **UPDATE Accounts**

**-------------**

**WHERE EmployeeID = ‘E210’**

* 1. INSERT INTO Accounts

-------------

WHERE EmployeeID = ‘E210’

* 1. UPDATE

------------

WHERE EmployeeID = ‘E210’

* 1. ALTER Accounts

--------------

WHERE EmployeeID = ‘E210’

1. Toàn vẹn miền (Domain Integrity) trên một bảng có thể được thực hiện bởi bốn cơ chế
   1. Sai
   2. **Đúng**
2. Trong mô hình CSDL phân cấp (Hierarchical Database model) một bảng cha không thể có nhiều hơn một bảng con
   1. Sai
   2. **Đúng**
3. Phát biểu nào dưới đây là đúng

Phát biểu 1 – hàm MAX thực hiện cả trên các giá trị NULL

Phát biểu 2 – hàm MAX trả về giá trị lớn nhất dựa trên sự so sánh đối chiếu

* 1. Cả hai phát biểu trên đều đúng
  2. Phát biểu 1 là đúng
  3. **Phát biểu 2 là đúng**
  4. Cả hai phát biểu trên đều sai

1. Các câu lệnh T-SQL nào dưới đây được sử dụng để khai báo một biến var có kiểu int (chọn 2)
   1. **DECLARE @var int**
   2. DECLARE @var int(4)
   3. DECLARE @@var int
   4. **DECLARE @var AS int**
   5. DECALRE @var AS int(4)
2. Phát biểu nào dưới đây là đúng về hàm COUNT? (chọn 3)
   1. Khi sử dụng hàm COUNT trên trường khóa ngoại có thể trả về kết quả không chính xác do trường khóa ngoại có thể có các giá trị null
   2. Cú pháp của hàm COUNT là COUNT (Biểu thức)
   3. Khi sử dụng hàm COUNT trên trường khóa chính luôn trả về kết quả chính xác do trường khóa chính không có các giá trị null
   4. Hàm COUNT chỉ thực hiện trên những trường có kiểu dữ liệu là số
   5. Khi được dùng kết hợp với từ khóa DISTINCT, hàm COUNT chỉ đếm những giá trị riêng biệt
3. Giả sử chúng ta đã tạo xong bảng, xác định cú pháp để thiết lập một ràng buộc cho bảng
   1. CREATE TABLE <Table\_Name>

(<Column\_definition> <Table\_constraint>)

* 1. **ALTER TABLE <Table\_name>**

**ADD CONSTRATINT <Constraint\_Name> <Type\_Of\_Constraint>**

* 1. CREATE TABLE <Table\_Name>

(<Table\_constraint>)

* 1. ALTER TABLE <Constraint\_Name>

ADD CONSTRATINT <Type\_Of\_Constraint>

1. Toàn vẹn dữ liệu (Data Integrity) có thể được phân thành 5 loại
   1. Sai
   2. **Đúng**
2. Phát biểu nào dưới đây là đúng
   1. Trong SQL Server 2005, 1 page được phân bổ 96Bytes/page
   2. Trong SQL Server 2005, 1 page được phân bổ 16Kbs/page
   3. **Trong SQL Server 2005, 1 page được phân bổ 8Kbs/page**
3. Bảo mật CSDL được thực hiện bởi DBA (Database Administrator)
   1. Sai
   2. **Đúng**
4. Dữ liệu trong trường khóa chính phải được thay đổi thường xuyên để đảm bảo tính phân biệt của bản ghi (identity of the row).
   1. Sai
   2. **Đúng**
5. Trigger cập nhập(update) mức bảng được kích hoạt khi\_\_\_\_\_\_\_ (chọn 2)
   1. **Dữ liệu trong một cột của bảng liên quan được cập nhật (update)**
   2. Bản ghi mới được thêm(insert) vào bảng liên quan
   3. **Dữ liệu trong bảng liên quan quan được cập nhật(update)**
   4. Dữ liệu trong bảng ‘inserted’ được cập nhật (update)
6. Khi toàn vẹn tham chiếu được tạo ra trên một bảng (chọn 2)
   1. Người dùng không thể thay đổi các giá trị khóa trong bảng cha
   2. **Người dùng không thể xóa các bản ghi trong bảng cha nếu vẫn còn tồn tại các bản ghi tương ứng với nó trong bảng con.**
   3. **Người dùng không thể thêm các bản ghi vào bảng con (child table) khi chưa tồn tại các bản ghi tương ứng với nó trong bảng cha (parent table)**
7. Giả sử có bảng student\_details với các trường Student\_Code, Student\_Name, Student\_Address, tất cả các trường trừ Student\_Code đều có thể nhận giá trị null. Tạo khóa chính cho bảng trên . (chọn 2)
   1. ALTER TABLE student\_details

ADD CONSTRAINT Primary\_key Student\_code

* 1. **ALTER TABLE student\_details**

**ADD Primary\_key (Student\_code)**

* 1. **ALTER TABLE student\_details**

**ADD CONSTRAINT std\_con Primary\_key (Student\_code)**

* 1. ALTER TABLE student\_details

ADD CONSTRAINT std\_con Primary\_key Student\_code

1. SELECT sales.qty, sales.title\_id, stores.stor\_name

FROM sales JOIN stores ON sales.stor\_id = stores.stor\_id

Ý nghĩa của câu lệnh trên là gì? (chọn 1)

* 1. Câu lệnh trên lấy ra 2 bản ghi trong bảng sales và một trường trong bảng stores mà giá trị của trường stor\_id trong các bản ghi đó trùng nhau.
  2. **Câu lệnh trên lấy ra tất cả các bản ghi trong bảng sales mà có tương ứng với các bản ghi trong bảng stores dựa trên trường stor\_id. (trường stor\_id của các bản ghi đó trùng nhau)**
  3. Câu lệnh trên lấy ra tất cả các bản ghi từ bảng sales và stores, chúng được kết nối với nhau, không kể các giá trị trên trường chung có trùng nhau hay không